

Bản án số: 06/2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 20 - 01 - 2022.

"V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Thanh Rực.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1991; Địa chỉ: khóm X, phường M, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 29/10/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Lê Văn H tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01/2018, ngày 14/12/2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường cãi vã qua lại, từ đó cuộc sống không còn hạnh phúc và sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay, sau khi sống ly thân thì bà L và ông H có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà L và ông H có 01 người con chung là Lê Huỳnh N, sinh

ngày 17/8/2018, hiện nay sống chung với bà L; về tài sản chung và nợ chung không có.

Bà Trần Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà L không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Lê Văn H: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông H, nhưng ông H không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Lê Văn H chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Trần Thị Mỹ L và ông Lê Văn H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L; giao cháu Lê Huỳnh N, sinh ngày 17/8/2018 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29/10/2021, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày: Bà và ông Lê Văn H kết hôn vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/12/2018. Bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Lê Văn H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Huỳnh N, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Lê Văn H hiện đang cư trú tại ấp N, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Trần Thị Mỹ L và ông Lê Văn H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01/2018, ngày 14/12/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung ông bà luôn xảy ra bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường cãi vã qua lại, mâu thuẫn kéo dài từ đó cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, bất hòa. Ông H và bà L đã sống ly thân với nhau tháng 02 năm 2021 cho đến nay và sau khi sống ly thân thì ông H và bà L không gặp nhau và không hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông H và bà L đoàn tụ với nhau nhưng ông H vẫn vắng mặt và bà L vẫn kiên quyết ly hôn với ông H vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng ông H và bà L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Lê Văn H xác định trong thời gian chung sống, bà L và ông H có 01 người con chung là Lê Huỳnh N, sinh ngày 17/8/2018, hiện đang sống chung với bà L; bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét thấy, từ khi bà L và ông H sống ly thân cho đến nay cháu N do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu N, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông H mà không ai được cản trở.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Mỹ L không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ L xác định trong thời gian chung sống bà L và ông Lê Văn H không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ L được ly hôn với ông Lê Văn H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Huỳnh N, sinh ngày 17/8/2018 cho bà Trần Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Lê Văn H không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Lê Văn H mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ L xác định trong thời gian chung sống bà L và ông Lê Văn H không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003238 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Trần Thị Mỹ L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND Phường M, thành phố T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Ánh**